



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG
GIAO THÔNG THỪA THIÊN HUẾ**

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

MỤC LỤC	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 - 4
Báo cáo kiểm toán độc lập	5
Các Báo cáo tài chính	
• Bảng cân đối kế toán	6 - 7
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
• Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 33

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông Thừa Thiên Huế công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông Thừa Thiên Huế (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước (Công ty Xây dựng Giao thông Thừa Thiên Huế thuộc Ủy ban Nhân dân Tỉnh Thừa Thiên Huế) theo Quyết định số 139/QĐ/UBND ngày 16/01/2006 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân Tỉnh Thừa Thiên Huế. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3103000161 ngày 10/02/2006 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Thừa Thiên Huế, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 08 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 30/12/2014 với mã số doanh nghiệp là 3300101011.

Công ty được chấp thuận giao dịch cổ phiếu phổ thông trên thị trường Upcom tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 64/2009/GCNCP-VSD ngày 02/10/2009 của Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán GTH.

Vốn điều lệ theo GCN ĐK doanh nghiệp thay đổi lần thứ 8 ngày 30/12/2014: 24.000.000.000 đồng.

Vốn đầu tư chủ sở hữu tại ngày 31/12/2015: 24.000.000.000 đồng.

Công ty có 19 đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc:

- Chi nhánh Quảng Trị;
- Đội liên kết xây dựng số 1;
- Đội liên kết xây dựng số 2;
- Đội liên kết xây dựng số 3;
- Đội liên kết xây dựng số 4;
- Đội liên kết xây dựng số 7;
- Xí nghiệp xây lắp 6;
- Xí nghiệp xây lắp 9;
- Xí nghiệp xây lắp 12;
- Xí nghiệp xây lắp 19;
- Xí nghiệp xây lắp 22;
- Xí nghiệp Thi công Cầu;
- Xí nghiệp Xây dựng Giao thông số 1;
- Nhà máy gạch tuynen Hải Lăng;
- Xí nghiệp cơ khí;
- Cửa hàng Xăng dầu An Lễ;
- Xí nghiệp Xây dựng Tổng hợp 5;
- Xí nghiệp Xây dựng Tổng hợp 10;
- Chi nhánh Quảng Điền.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Trụ sở chính

- Địa chỉ: Lô 77, Đường Phạm Văn Đồng, Phường Võ Dạ, TP. Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế
- Điện thoại: (84) 054.3812849
- Fax: (84) 054.3823846
- Website: www.xdgt-tth.com.vn

Ngành nghề kinh doanh chính

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp, dân dụng, thủy lợi, giao thông);
- Chuẩn bị mặt bằng (Chi tiết: San lấp mặt bằng hạ tầng đô thị);
- Lắp đặt hệ thống điện (Chi tiết: Thi công lưới điện hạ thế);
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí (Chi tiết: Thi công hệ thống cấp nước sinh hoạt);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao (Chi tiết: Sản xuất bê tông đúc sẵn, thương phẩm);
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh (Chi tiết: Kinh doanh vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông đúc sẵn, bê tông đúc sẵn, thương phẩm);
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (Chi tiết: Kinh doanh xăng dầu);
- Vận tải hành khách đường bộ khác (Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng và theo tuyến cố định);
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan (Chi tiết: Tư vấn, khảo sát và thiết kế các công trình giao thông);
- Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Khai thác, chế biến và kinh doanh khoáng sản phi quặng, khai hoang đồng ruộng);
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác (Chi tiết: Gia công sửa chữa phương tiện vận tải, xe máy thi công);
- Cho thuê xe có động cơ (Chi tiết: Cung ứng phương tiện vật tư thiết bị, phụ tùng giao thông vận tải);
- Đại lý, môi giới, đấu giá (Chi tiết: Đại lý vận tải);
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật (Chi tiết: Thí nghiệm vật liệu xây dựng công trình giao thông).

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối năm tài chính là 293 người. Trong đó nhân viên gián tiếp 65 người.

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Hội đồng quản trị

• Ông Phạm Văn Đức	Chủ tịch	Bổ nhiệm lại ngày 09/05/2014
• Ông Trần Chính	Phó chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 15/07/2015
• Nguyễn Đăng Bảo	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 09/05/2014 Miễn nhiệm ngày 15/07/2015
• Ông Lê Viết Trí	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 09/05/2014
• Ông Võ Anh Tuấn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 09/05/2014 Miễn nhiệm ngày 09/05/2015
• Bà Ngô Thị Lệ Hương	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 09/05/2014
• Ông Trần Chính	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 09/05/2015 Miễn nhiệm ngày 15/07/2015

Ban Kiểm soát

• Ông Phan Văn Dương	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 01/06/2014
• Ông Phan Quốc Việt	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 09/05/2014
• Ông Trần Quang	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 09/05/2014

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

• Ông Trần Chính	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/06/2014
• Ông Trần Phúc Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm lại ngày 01/06/2014
• Ông Đoàn Anh Hải	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/06/2014
• Ông Nguyễn Đăng Bảo	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm lại ngày 01/06/2014
• Bà Ngô Thị Lệ Hương	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm lại ngày 01/06/2014

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0511.3655886; Fax: (84) 0511.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc



Trần Chính

Huế, ngày 28 tháng 3 năm 2016



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

Trụ sở chính
Lô 78-80 Đường 30 tháng 4, Q. Hải Châu, Tp. Đà Nẵng
Tel: 84.511.3655886; Fax: 84.511.3655887
Email: aac@dong.vn.vn
Website: http://www.aac.com.vn

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh
47-49 Hoàng Sa (Tầng 4 Tòa nhà Hoàng Đan)
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: 84.8.39102235; Fax: 84.8.39102349
Email: aac.hcm@aac.com.vn

Số: 450/2015/BCKT-AAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng Giao Thông Thừa Thiên Huế

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông Thừa Thiên Huế (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 20/03/2016, từ trang 6 đến trang 33, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài



Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC

T.N.H.H

KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN

AAC

Lâm Quang Tú – Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1031-2013-010-1
Đà Nẵng, ngày 28 tháng 03 năm 2016

Ngô Thị Kim Anh – Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1100-2013-010-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu số B 01 - DN
 Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		195.021.449.586	180.791.259.940
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	12.906.376.270	14.940.464.012
1. Tiền	111		12.906.376.270	14.940.464.012
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		98.117.848.493	89.723.924.727
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	57.501.675.053	47.386.074.029
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	18.114.662.905	18.028.251.463
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8.a	26.753.555.450	27.518.109.739
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(4.252.044.915)	(3.208.510.504)
IV. Hàng tồn kho	140	9	83.775.041.133	75.807.851.097
1. Hàng tồn kho	141		90.889.938.133	78.796.563.097
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(7.114.897.000)	(2.988.712.000)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		222.183.690	319.020.104
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10.a	222.183.690	319.020.104
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		42.009.325.722	47.238.469.563
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		135.171.500	135.171.500
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Phải thu dài hạn khác	216	8.b	135.171.500	135.171.500
II. Tài sản cố định	220		37.290.502.998	44.298.755.802
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	37.290.502.998	44.298.755.802
- Nguyên giá	222		100.641.462.305	111.314.988.185
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(63.350.959.307)	(67.016.232.383)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		706.585.502	751.899.876
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	706.585.502	751.899.876
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		3.877.065.722	2.052.642.385
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10.b	3.877.065.722	2.052.642.385
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		237.030.775.308	228.029.729.503

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		206.008.006.046	196.684.167.967
I. Nợ ngắn hạn	310		194.370.707.601	179.178.652.071
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	13.a	73.697.679.632	46.188.083.097
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	14	15.802.968.898	16.675.372.567
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	13.353.228.326	13.289.451.110
4. Phải trả người lao động	314		2.257.969.749	1.438.518.355
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	137.122.728	931.826.874
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	17.a	12.733.842.162	9.488.840.136
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	18	76.161.111.954	90.792.844.623
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		226.784.152	373.715.309
II. Nợ dài hạn	330		11.637.298.445	17.505.515.896
1. Phải trả người bán dài hạn	331	13.b	11.616.298.445	17.505.515.896
2. Phải trả dài hạn khác	337	17.b	21.000.000	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		31.022.769.262	31.345.561.536
I. Vốn chủ sở hữu	410		31.022.769.262	31.345.561.536
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	19	24.000.000.000	24.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		24.000.000.000	24.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	19	(60.000.000)	(60.000.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	19	4.247.125.283	4.247.125.283
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	19	945.955.533	945.955.533
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	19	1.889.688.446	2.212.480.720
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	19	6.131.877	1.462.884.591
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	19	1.883.556.569	749.596.129
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		237.030.775.308	228.029.729.503



Trần Chính

Huế, ngày 20 tháng 3 năm 2016

Kế toán trưởng

Ngô Thị Lệ Hương

Người lập biểu

Nguyễn Văn Hậu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	20	231.605.721.879	229.991.105.783
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	837.115.091
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		231.605.721.879	229.153.990.692
4. Giá vốn hàng bán	11	21	210.996.790.790	209.351.742.907
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		<u>20.608.931.089</u>	<u>19.802.247.785</u>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	65.631.691	13.254.852
7. Chi phí tài chính	22	23	9.312.041.586	8.610.549.128
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>9.312.041.586</i>	<i>8.610.549.128</i>
8. Chi phí bán hàng	25	24.a	5.637.100.565	4.272.576.800
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24.b	11.040.733.880	4.854.218.370
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		<u>(5.315.313.251)</u>	<u>2.078.158.339</u>
11. Thu nhập khác	31	25	8.902.689.167	1.260.618.160
12. Chi phí khác	32	26	929.268.506	1.855.122.540
13. Lợi nhuận khác	40		<u>7.973.420.661</u>	<u>(594.504.380)</u>
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		<u>2.658.107.410</u>	<u>1.483.653.959</u>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	774.550.841	734.057.830
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		<u>1.883.556.569</u>	<u>749.596.129</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	28	785	294
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	28	785	294



Trần Chính

Huế, ngày 20 tháng 3 năm 2016

Kế toán trưởng

Ngô Thị Lệ Hương

Người lập biểu

Nguyễn Văn Hậu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Mẫu số B 03 - DN
 Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		2.658.107.410	1.483.653.959
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao Tài sản cố định	02	11	7.539.454.897	8.595.890.481
- Các khoản dự phòng	03		5.169.719.411	3.038.962.000
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	22,25	(8.874.798.331)	(751.174.772)
- Chi phí lãi vay	06	23	9.312.041.586	8.610.549.128
3. Lợi nhuận từ hđ kd trước thay đổi vốn lưu động	08		15.804.524.973	20.977.880.796
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(9.437.458.177)	(3.976.072.511)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	9	(12.093.375.036)	(6.441.264.210)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		23.872.661.227	(2.092.294.590)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	10	(1.727.586.923)	(161.069.486)
- Tiền lãi vay đã trả	14	23	(9.312.041.586)	(8.610.549.128)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	15	(489.870.628)	(1.048.711.398)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(193.280.000)	(185.230.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		6.423.573.850	(1.537.310.527)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	11	(2.057.630.169)	(1.741.611.420)
2. Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22		10.380.909.090	1.445.318.180
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	22	65.631.691	13.254.852
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		8.388.910.612	(283.038.388)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33	18	99.254.039.779	107.873.561.966
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	18	(113.885.772.448)	(102.065.219.633)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	17.a,19f	(2.214.839.535)	(665.170.465)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(16.846.572.204)	5.143.171.868
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(2.034.087.742)	3.322.822.953
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	5	14.940.464.012	11.617.641.059
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	5	12.906.376.270	14.940.464.012



Tổng Giám đốc
 Trần Chính

Huế, ngày 20 tháng 3 năm 2016

Kế toán trưởng

Ngô Thị Lệ Hương

Người lập biểu

Nguyễn Văn Hậu

